

NHÀ NƯỚC VÀ XÃ HỘI - TỪ THỰC TẾ NÔNG THÔN VIỆT NAM NGÀY NAY

PHAN ĐẠI DOÃN

I. Xác định khái niệm.

Trong sự vận động của xã hội lom người từ xa xưa khi đã có Nhà nước cho đến ngày nay, Tây Âu sang Đông Á... đều có phân biệt hai phạm trù chính trị - xã hội: *Nhà nước* và *xã hội*, Nhà nước do xã hội sản sinh ra đời thành lực lượng được coi như "đứng trên" xã hội, điều khiển xã hội, nhưng không phải Nhà nước cũng là xã hội, Nhà nước không đồng nhất với xã hội. Xã hội hay còn gọi là *xã hội dân sự* (société civil) là bộ phận ngoài Nhà nước (Etat) lại có những hoạt động có khi đồng nhất, có khi thuận chiều, có khi không thuận chiều, thậm chí có khi khác biệt và có nơi, có lúc lại còn mâu thuẫn, xung phá chống lại Nhà nước.

Bản chất và các hình thức hoạt động của Nhà nước thường dựa vào các công cụ không thể thiếu như quân đội, công an cảnh sát, tòa án và các lực lượng kinh tế (thuế, xí nghiệp công - nông nghiệp, các tài nguyên vật chất khác...) nên thường dùng các biện pháp chuyên chính với những lực lượng đối lập và các biện pháp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội để bảo vệ đường lối, bảo vệ lợi ích một giai cấp một dân tộc, một quốc gia.

Trong những năm 30 và 40 đến Cách mạng tháng 8-1945, Đảng ta đã dựa vào xã hội dân sự, tập hợp lực lượng yêu nước lật đổ Nhà nước của chế độ thực dân phong kiến, giành độc lập dân tộc thành lập Nhà nước dân chủ nhân dân. Nhà nước ta là "Nhà nước của dân, do dân, vì dân" đã nói lên sự gắn bó chặt chẽ, hữu cơ giữa Nhà nước và xã hội, thể hiện bản chất giai cấp, bản chất nhân dân. Nhưng cũng không phải vì vậy cho rằng đồng nhất Nhà nước và xã hội, mà vẫn là hai thực thể khác biệt. Đây là quan điểm cơ bản của chúng tôi khi tìm hiểu về thiết chế chính trị xã hội nông thôn hiện nay.

Trong Xã hội học và chính trị học của các nước xã hội chủ nghĩa (cũ) rất ít nói về cặp phạm trù Nhà nước và Xã hội. Có một thực tế kinh tế - xã hội của Liên Xô (cũ) và các nước Đông Âu, Trung Quốc và cả ở Việt Nam, trong thời gian dài nhiều thập kỷ được điều hành theo cơ chế tập trung, bao cấp. Mặt khác có tình đặc thù, ở nước ta phải trải qua 30 năm chiến tranh chống xâm lược, do yêu cầu quốc phòng bảo vệ Tổ quốc là cao nhất cần tập trung sức lực và ý chí toàn dân, dưới sự điều hành của Nhà nước nên cơ chế tập trung cao hơn. Đây cũng là hiện tượng tự nhiên theo yêu cầu xã hội. Đồng thời ở nông thôn, tổ chức sản xuất là hợp tác xã nông nghiệp xây dựng trên cơ sở kinh tế tập thể (sở hữu tập thể) là chủ thể xã hội được điều hành bằng kế hoạch từ Trung ương xuống đến cơ sở. Tất cả các hợp tác xã đều hoạt động theo kế hoạch, có chỉ tiêu từ trên quy định.

Ở miền Bắc gần 100% dân số vào hợp tác xã. Sau ngày thống nhất đất nước (1975), hơn 80% dân số nông thôn miền Nam vào hợp tác xã và các tập đoàn sản xuất. Các tổ chức Thanh niên, Phụ nữ, Phụ lão, Mặt trận Tổ quốc hoạt động theo mục đích và nhiệm vụ chính trị của Đảng và chính quyền - gọi chung là Nhà nước. Vậy là vào những năm 50 đến cuối

những năm 80, điều hành và chi phối xã hội là Nhà nước theo cơ chế: tập trung, bao cấp. Hoạt động của xã hội dân sự ở nông thôn thu hẹp lại ở mức tối thiểu (5% ruộng gia đình và duy trì một số tín ngưỡng gia đình, họ tộc...), rất non yếu. Có thể nói rằng lực lượng xã hội dân sự ở nông thôn không tồn tại độc lập, tất cả (mà trước hết là gia đình, rồi thôn xóm làng bản...) đều chuyển thành cơ cấu của Nhà nước. Hợp tác xã là chủ thể, là một bộ phận của Nhà nước, làng bản thành "đội sản xuất", "tổ sản xuất", các lực lượng xã hội được tồn tại có tính tự trị, tự quản, tương đối độc lập rất mờ nhạt, không đáng kể.

Điều cần nói là sự vững mạnh của Nhà nước Việt Nam trong những năm qua đã có vai trò quyết định thành công của công cuộc giải phóng đất nước vĩ đại, đánh tan hai thế lực đế quốc lớn Pháp, Mỹ bảo vệ trọn vẹn nền độc lập và thống nhất của Tổ quốc. Khách quan mà nói, thể chế quản lý trên thực tế đã đóng vai trò lịch sử góp phần quyết định thắng lợi sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Do thực tế như trên, nên trong khoa học xã hội nước ta, kể cả chính trị học và xã hội học, dường như không có một cặp phạm trù phân ánh đầy đủ mối quan hệ Nhà nước và xã hội. Ở đây, Nhà nước bao trùm lên xã hội, xã hội là bộ phận chịu sự chi phối của Nhà nước. Trong một đất nước, mà phần xã hội dân sự non yếu, lại được điều hành bằng kế hoạch tập trung, bao cấp từ trên xuống dưới tạo nên một hệ thống quản lý chủ yếu theo chiều dọc đứng thì sẽ nảy sinh ra khuynh hướng chung "hướng lên trên" theo thang bậc quyền lực hành chính. Các cấp quản lý Nhà nước (bao gồm Đảng, chính quyền và các đoàn thể Mặt trận Tổ quốc) lại có khuynh hướng coi thường quan hệ ngang và quan hệ cấp dưới. Trong kháng chiến chống Mỹ, do quy luật chiến tranh và quốc phòng, đã tạo ra khối đoàn kết dân tộc vững chắc khiến cho khuynh hướng trên lại bị hạn chế tối đa, khó bộc lộ công khai, nhưng trong hòa bình xây dựng thì bộc lộ tự nhiên.

Một khi Nhà nước chi phối xã hội thì sẽ xảy ra hiện tượng: cá nhân và gia đình tìm cách khai thác hợp tác xã (kinh tế tập thể), cấp dưới xin cấp trên "ban phát" tài nguyên theo kế hoạch, địa phương chạy lên Trung ương xin "rót" đầu tư xuống... Bởi lẽ cuộc sống cá nhân và gia đình đều bị lệ thuộc vào hợp tác xã, cấp dưới lệ thuộc cấp trên, đều do Nhà nước cung cấp tài nguyên. *Khai thác, hướng thượng, ý lại* vào tập thể, vào cấp trên, vào Trung ương. từ đó sẽ tạo ra lối làm việc quan liêu coi thường cùng cấp, coi thường cấp dưới coi thường quần chúng.

Ngày nay, đường lối của Đảng ta là "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" đã nổi lên hai thực thể *dân* và *nước*, tuy gắn bó nhưng vẫn không phải là một. Theo tôi hiểu, dân ở đây có bao hàm xã hội dân sự; còn nước là chỉ Nhà nước - đất nước. Kể từ sau Đại hội VI của Đảng ta (1986) kinh tế xã hội Việt Nam bước vào thời kỳ đổi mới, nhiều thành phần kinh tế, hoạt động theo cơ chế thị trường; hộ gia đình bên cạnh các tổ chức hợp tác đều là đơn vị tự chủ, chủ thể của xã hội. Từ là thành tố phụ thuộc vào hợp tác xã, nay hộ gia đình có 5 quyền sử dụng ruộng đất lâu dài, thành đơn vị chủ động sản xuất và kinh doanh. Cơ chế tập trung bao cấp đang thu hẹp lại. Tình hình Nhà nước chi phối toàn bộ tài nguyên (con người và tài sản vật chất), chi phối đến cả cơ hội, điều kiện làm ăn và phát triển của cá nhân với xã hội dần dần bị hạn chế.

Nhiều chủ thể mới trong xã hội xuất hiện: các tổ chức Bản xuất và kinh doanh của cá nhân, hộ gia đình, các tổ chức hợp tác xã, các câu lạc bộ, các loại hội kinh tế - xã hội. Các chủ thể mới này, trong một mức độ lớn, hoạt động ngoài sự điều hành của Nhà nước. Đã đến lúc duy trì một thể chế cũ chỉ có Nhà nước là không phù hợp với thực tế. Nói cách khác, duy trì thể chế cũ - chỉ có Nhà nước, *không tạo ra sự phát triển hài hòa xã hội không hợp lý.*

Theo quá trình đổi mới, phát triển của công nghiệp hóa, hiện đại hoá thì quan hệ Nhà nước và xã hội cũng chuyển đổi, tức là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội không chỉ có Nhà nước mà còn có xã hội dân sự, phải tổ chức xã hội dân sự sao cho hợp lý để thúc đẩy sự phát triển xã hội hiện đại là công việc khẩn thiết.

Từ cuối những năm 80 về sau, sự tách biệt giữa Nhà nước và xã hội ở nước ta đã xuất hiện. Chưa thể nói rằng: công cuộc đổi mới của ta là nhằm mục đích xác minh mối quan hệ Nhà nước và xã hội, nhưng trên thực tế là công cuộc đổi mới đã có nhiều biểu hiện sự phân chia kết cấu là Nhà nước và xã hội. Nói cách khác, trước đây *động lực* phát triển hầu như chỉ có Nhà nước thì nay là đa tổ chức, đa dạng thức của các thành phần kinh tế khác nhau của các tầng lớp nhân dân, mà trật tự vận hành vẫn căn bản được duy trì theo lối quản lý cũ chưa phát huy được hết các năng lực của xã hội. Đó là mâu thuẫn.

Có thể thấy rõ sự phân chia trong kết cấu xã hội mấy năm qua biểu hiện trong các mặt sau đây:

1. Phạm vi điều hành của Nhà nước đang bị thu hẹp, trước hết trong các hoạt động văn hóa tinh thần như tín ngưỡng, tôn giáo, văn nghệ dân gian. Sự phục hồi truyền thống mà trước hết là phục hồi văn hóa truyền thống nhằm đáp ứng những nhu cầu tinh thần dân cư cá thể. Các hoạt động của dòng họ, tín ngưỡng, đình chùa đang mờ rộng. Mặc dù có sự điều khiển, chỉ đạo của Nhà nước, những hoạt động trên vẫn cứ phát triển theo chiều hướng "tự do", vượt khỏi sự kiểm soát của Nhà nước. Các hoạt động kinh tế tư nhân và tổ hợp tác cũng đang từng bước có hiện tượng như trên.

2. Trong những lĩnh vực mà Nhà nước duy trì sự điều khiển, chi phối thì sự điều khiển, chi phối đó cũng bị thu hẹp. Và do đó phải thay đổi cho "thực tế" hơn; không chỉ có kế hoạch mà còn có cơ chế thị trường, không chỉ có sự động viên Chính trị mà còn phải khuyến khích bằng lợi ích vật chất (cho cá nhân, cho tổ chức, cho cộng đồng).

3. Nhà nước ta đã tăng cường pháp quy hóa các biện pháp điều hành bằng luật pháp.

Nếu so với trước thì Quốc hội, Chính phủ và các cấp chính quyền của ta đã công bố nhiều luật nghị định, nghị quyết, chỉ thị. Tuy nhiên, tình hình luật nhiều, nhưng ý thức pháp luật lại còn thấp kém. Có hiện tượng phổ biến thể hiện sự chênh lệch là nhiều pháp quy nhưng không được thi hành, hoặc thi hành chậm và không triệt để.

4. Còn có một độ chênh nữa (tôi gọi là "lệch pha"), giữa cơ cấu quyền lực hành chính và cơ chế vận hành. Cơ chế vận hành kinh tế - xã hội hiện nay, ngoài bộ phận quốc doanh các xí nghiệp của Nhà nước mà còn có các cá nhân, hộ gia đình, thôn bản, các tổ chức hợp tác sản xuất và kinh doanh, các hội đoàn, câu lạc bộ (chúng tôi gọi *phi quan phương, bán quan phương*, chỉ những tổ chức dân sự), mà cơ cấu quyền lực hành chính thì đến xã phường. đây cũng là điều tự nhiên vốn có của hầu hết các quốc gia, vấn đề là phải có tổ chức kết hợp cơ cấu hành chính và cơ chế vận hành.

Những thu hẹp trong quản lý Nhà nước như trên sẽ tạo ra "khoảng trống tự do" và ngày càng mở rộng là tiền đề trọng yếu của sự phân chia kết cấu Nhà nước và xã hội. "Khoảng trống tự do" càng mở rộng khi kết cấu kinh tế nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường thì sẽ thúc đẩy sự hình thành một *thể chế dân sự hoạt động tương đối tự chủ*. Điều này thể hiện trong các mặt sau:

+Cá nhân, hộ gia đình và các tổ chức kinh tế - xã hội mới: hợp tác xã, các tổ chức xã hội (hội đoàn về tín ngưỡng, văn nghệ, giáo dục...) không dựa vào ngân sách Nhà nước, về mặt nào đó cũng là giảm gánh nặng cho Nhà nước. Cơ chế thị trường đã đưa những tổ chức trên lên vị trí *chủ thể* và cũng là động lực xã hội.

+ Hình thành lực lượng kinh tế tương đối độc lập. Điều này đã thể hiện ở vùng đồng bằng sông Cửu Long với nhiều loại hình tổ chức sản xuất và kinh doanh nằm ngoài sự điều khiển của Nhà nước. Ở đồng bằng Bắc Bộ và Trung Bộ là các "làng nghề", các xí nghiệp gia đình, các tổ chức chế biến nông sản và các tổ chức văn hóa - giáo dục đang trở thành những đơn vị có tính chất tự quản, tự trị ...

+ Sự gia tăng tất yếu của quá trình "tổ chức hóa" của xã hội dân sự. Trong thời gian hợp tác xã (kiểu cũ) xã hội dân sự rất non yếu, không có tổ chức. Làng bản thành "đội sản xuất"; họ tộc hoạt động "yên lặng". Từ cuối những năm 80 và vào thập kỷ 90 thì lực lượng xã hội phát triển mạnh và xuất hiện ngày càng nhiều hiện tượng "tổ chức hóa". Làng, bản được tái lập có sự điều khiển của chính quyền các cấp, thành tổ chức "bán quan phương". Các nhà buôn, nhà kinh doanh dịch vụ liên hiệp lại, tự điều khiển theo ý chí của riêng mình trong các hiệp hội. Có thể cho những loại tổ chức dân sự (phường hội) và tổ chức bán dân sự (làng bản) là những *tổ chức trung gian* ở giữa cá nhân - gia đình và Nhà nước. Nhưng tổ chức này cũng là những hình thức không thể thiếu được, cần phải có sự điều khiển (bằng luật và chính sách) để tạo lập kỷ cương xã hội, đồng thời bảo vệ tính tự quản, tự trị. Ở những nơi có kinh tế hàng hoá phát triển mạnh thì tổ chức dân gian càng nhiều và có vai trò càng quan trọng. Đúng như dân gian ta nói: "buôn có bạn, hán có phường" đã nói lên sự cần thiết "tổ chức hóa".

Phân biệt Nhà nước và xã hội là để thấy rõ cần có sự thay đổi trong thể chế quản lý.

Nếu so sánh đối chiếu tìm sự khác biệt giữa các kiểu quản lý thì có thể thấy:

- Quản lý Nhà nước ở trên áp đặt xuống, có công cụ kinh tế - xã hội (phi bạo lực) và có công cụ chuyên chính (có tính bạo lực). Khuynh hướng chung của Nhà nước Đông Á và Đông Nam Á là tạo nên *Nhà nước mạnh* đủ sức chủ động thúc đẩy quá trình đổi mới có hiệu lực cao, hiệu quả tốt. Bản thân Nhà nước là một động lực tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội.

- Quản lý xã hội dân sự (phần "ngoài Nhà nước") nói chung mềm dẻo, mang tính tự quản - tự trị; tổ chức theo nguyên tắc tự nguyện; ứng xử theo hợp đồng, thỏa thuận, thuyết phục.

Xác định cặp phạm trù Nhà nước và xã hội như trên không phải là mới trong chính trị học và xã hội học hiện đại. Ở nước ta hiện nay và sau này, hai phạm trù khoa học này vẫn còn có ý nghĩa phản ánh thực tế khách quan. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn thấy đây là vấn đề mới. Giới khoa học và giới quản lý chưa bàn nhiều về vấn đề này. Kinh nghiệm lịch sử Việt Nam nửa thế kỷ qua, quan sát thế giới từ Tây sang Đông và từ việc nghiên cứu chính trị học và xã hội học, chúng tôi xin nêu lên thành cặp khái niệm "Nhà nước" và "xã hội" trong xã hội học, trong quan niệm quản lý nông thôn, trong phân loại các thiết chế chính trị xã hội nông thôn ở nước ta.

II. Vấn đề phân hóa trong kết cấu xã hội nông thôn hiện nay

Sự phân chia và phân hóa trong kết cấu xã hội ngày càng sâu sắc và mở rộng, sự phân hóa này có hai hình thức chủ yếu:

- Sự khác nhau về tính chất, tức là sự loại biệt các yếu tố kết cấu, chẳng hạn như cộng đồng, giai tầng, tổ chức. Trước đây ở nông thôn chủ yếu chỉ có xã viên và cán bộ, gia đình và hợp tác xã tất cả được gọi chung là "giai cấp nông dân tập thể", thì nay lại là con người cá thể lao động nông nghiệp, người đi buôn, xí nghiệp gia đình chế biến nông sản phẩm. Giai cấp "nông dân tập thể" không còn nữa.

- Sự bất bình đẳng trong xã hội, tức là quan hệ cao thấp giữa các yếu tố kết cấu trên,

chẳng hạn người đi buôn, dịch vụ sẽ giàu có hơn người thuần nông hay lao động làm thuê, người lao động có kỹ thuật giàu có hơn. người lao động giản đơn.

Mặt khác, trong quá trình đô thị hóa hiện đại hóa đất nước sẽ xuất hiện các loại hiện tượng khác.

- Phân công lại xã hội, đa dạng và phức tạp: có người, có gia đình thuần nông có người có gia đình vừa làm nông vừa làm nghề khác (thủ công nghiệp, dịch vụ), đồng thời lại có người không làm nghề nông nữa. Hiện tượng phân công lại đã xuất hiện nhiều nơi, tuy nhiên chưa phải đã phổ cập trong hầu hết các làng, bản. Những làng quê ở gần thành thị, hoặc đang "đô thị hóa" sẽ diễn ra hiện tượng này. Ở Ninh Hiệp (ngoại thành Hà Nội) hiện tượng này khá cụ thể với hàng chục nghề khác nhau và 13 hội và câu lạc bộ...

Xu hướng chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa: tạo ra những xí nghiệp gia đình, những tổ hợp mới, thậm chí xuất hiện "làng nghề" mới. Nếu so với hiện tượng thứ nhất thì loại hiện tượng này còn ít, song trong quá trình phát triển thì nó ngày sẽ phổ biến hơn. Sự phân công lại xã hội và chuyên nghiệp hóa là quá trình tất yếu sẽ xảy ra trong thời kỳ hiện đại hóa nông thôn. Các nhà xã hội học cho đây là một tiêu chí. Tuy nhiên, khách quan mà nói, ở nông thôn Việt Nam những loại hiện tượng trên mới chỉ bắt đầu, và thực sự cũng mới chỉ cách đây mấy năm. Còn trong thời kỳ *trước* đổi mới, kết cấu xã hội vẫn còn ngưng đọng, kinh tế và chính trị, tài nguyên và quyền lực đều kết hợp trong một thể thống nhất: do Nhà nước điều hành và tất cả đều như là "quốc hữu", "tạo nên sự đồng nhất giữa hệ thống chính trị và cấu trúc xã hội"¹. Kết cấu này đưa đến kết quả là xã hội nông thôn ít phân hóa, nhưng lại trì trệ, xơ cứng. Đồng thời phương thức vận hành lại *đơn nhất*. Hợp tác xã các đoàn thể trong Mặt trận Tổ quốc của xã, của huyện đều làm việc theo kế hoạch chế đạo từ trên đội xuống. Các tổ chức chỉ là một bộ phận hữu cơ của Nhà nước, thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Nhà nước, không có quyền tự chủ, mà phải nương tựa vào Nhà nước. Và như trên đã nói, giữa các tổ chức này không có quan hệ ngang. Cái gọi là phân công phân nhiệm rõ ràng cũng chỉ là dạng "tự túc", không dám can thiệp vào nhau.

Từ các mặt đã xét, thời kỳ trước đổi mới, do điều kiện Nhà nước và xã hội kết hợp thống nhất, chúng tôi gọi là xã hội mang "tính tổng thể" đã hạn chế tối đa sự phân hóa, mà có nhà nghiên cứu cho rằng đó là sự "công bằng trong nghèo khổ". Thời kỳ đổi mới tạo sự phân hóa - phân chia đa dạng, phức tạp, chúng tôi gọi đó là xã hội mang "tính phân hóa".² "Tính phân hóa" trong nông thôn ta hiện nay thể hiện trong các điểm sau: Kinh tế tập thể hợp tác xã, tập đoàn sản xuất bị giải thể; hộ gia đình và các tổ chức hợp tác là chủ thể xã hội đã tạo ra: sức lao động, tài nguyên, kỹ thuật, sản phẩm trở thành hàng hóa lưu động theo cơ chế thị trường. Do đó, trong quản lý nông thôn không chỉ có biện pháp hành chính mà cần phải có cả biện pháp kinh tế, vừa có kế hoạch, vừa có thị trường.

- Sự phát sinh và phát triển nhiều chủ thể quyền lực và nhiều chủ thể lợi ích. Tính chất tập trung bị giảm bớt, mở rộng quyền cho các cấp địa phương, đặc biệt là sự tồn tại các tổ chức hợp tác dân gian, các xí nghiệp tư nhân, các tổ chức tín ngưỡng, các tổ chức xã hội ... đều là những chủ thể tương đối độc lập...

Các tổ chức nghề nghiệp và các tổ chức xã hội trên bao gồm tất cả các mặt kinh tế -

¹. Xem Phan Đại Doãn, *Cấu trúc xã hội nông thôn đồng bằng Bắc Bộ nửa thế kỷ qua* (từ góc độ quản lý). Báo cáo khoa học tại hội thảo Việt - Pháp về nông thôn đồng bằng Sông Hồng do Viện Xã hội học tổ chức tháng 3-1994 tại Hà Nội.

². Một số nhà xã hội học Trung Quốc gần đây cũng có khái niệm này. Xem bài *Diễn biến kết cấu xã hội Trung Quốc*, Tạp chí Khoa học xã hội, số 2-1994.

xã hội (nông, công nghiệp, dịch vụ, giáo dục, y tế, văn hóa... như các hội khuyến nông, khuyến công, khuyến lâm, khuyến tài, quỹ giáo dục, quỹ sức khỏe...) khi có ý thức tự chủ sẽ tạo ra tình hình chia tách chính trị và kinh tế, kinh tế và hành chính, tín ngưỡng tôn giáo và hành chính... Nói chung, đó là sự chia tách xã hội khỏi Nhà nước. Chuyển biến này hoàn toàn tự nhiên, phù hợp sự phát triển của đất nước.

Quá trình phân hóa như đã trình bày, từ "tính tổng thể" sang "tính phân hóa" diễn ra trong một tình hình mới có đặc thù, không hoàn toàn giống như những phân hoá trong xã hội có giai cấp trước đây, mà phức tạp hơn, đa dạng hơn. Các chủ thể quyền lực và lợi ích xuất hiện nhiều nhưng ít tạo sự sai biệt về đẳng cấp xã hội, về thành phần giai cấp, vị trí Chính trị. Ở thành thị, khu công nghiệp sẽ xuất hiện tầng lớp "tư sản mới" nhưng ở nông thôn lại không tạo ra địa chủ mới" phát canh thu địa tô như thời trước năm 1945. Những phân biệt về thành phần xuất thân địa chủ, phú nông, trung nông, bần nông và cố nông trong cải cách ruộng đất trước đây (1955-1956) đã bị xóa bỏ về mặt kinh tế trong thể kỷ hợp tác xã (nhưng vẫn còn "rơi rớt" trong ý thức và chính trị) thì nay cũng không còn nữa. Chúng tôi không quan niệm những người bán đất để đi làm thuê xuất hiện ở đồng bằng sông Cửu Long là cố nông như trước. Tuy nhiên đây đó đã xuất hiện sự phân hóa mới theo khối về mặt kinh tế (phân cách giàu nghèo), chẳng hạn làng nghề giàu hơn làng thuần nông, - nghề mộc giàu hơn nghề dệt, buôn bán dịch vụ giàu hơn sản xuất nông nghiệp đơn thuần, dân khu vực thị trấn, thị tứ giàu hơn làng quê ... Sự phân hóa này cũng đã có trong thời hợp tác xã nhưng nay bộc lộ công khai cụ thể hơn, sâu sắc hơn.

Khi thi trường phát triển, mở rộng thì về mặt thể chế Nhà nước và xã hội là sự phân chia theo chức năng, nhưng phát triển không theo khuynh hướng *đơn nhất hóa*. Hiện tượng này là hậu quả của quá trình phân công lại lao động và sự xuất hiện nhiều chủ thể xã hội (với sự nhụt dần về ý thức chính trị mà chạy theo kinh tế). Cá nhân, hộ gia đình, tổ chức sản xuất dân gian, quốc doanh và cả đến các đoàn thể Chính trị của Nhà nước (Thanh niên, Phụ nữ, Cựu chiến binh) đều tìm lợi ích riêng, tìm ra thị trường. Ngành y tế, giáo dục trước đây là do Nhà nước bao cấp là quốc lập thì nay là nửa dân lập, là tư thực hoặc nửa quốc lập nửa dân lập ... đã xuất hiện nhiều nơi trong nông thôn. Đây chính là khuynh hướng "kinh tế hóa", "kinh doanh hóa". Các hội nông thôn, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh đến cả hội lão cũng sẽ phải làm kinh tế.

Trên đây là bức tranh đa dạng, phức tạp về sự phân hóa xã hội trong gần chục năm qua. Phân tích trên bước đầu cho biết Bực phân hóa ở nông thôn không theo khuynh hướng tạo lại đẳng cấp, giai cấp cũ như thời mà cải cách ruộng đất quy định thành phần giai cấp. Sự phân hóa theo khối (gọi tạm như vậy) là thiên về kinh tế (nhẹ về chính trị).

III. Phương hướng chỉnh hợp - hành chính và hợp đồng

Sự phân hóa và phân chia của kết cấu xã hội không ngừng thì cũng phải tạo ra *sứ chỉnh hợp*¹

mới thường xuyên để bảo đảm sự phát triển ổn định xã hội. Tiến trình mở cửa và đổi mới ngày càng nhanh, càng sâu mà sự chỉnh hợp lại không đồng bộ, kịp thời theo sự phân hóa chính là *một mâu thuẫn*. Điều mà các nhà quản lý cần quan tâm.

Chỉnh hợp theo kết cấu xã hội (cá thể, hộ gia đình, làng bản và các tổ chức cộng đồng kinh tế - xã hội). Theo chúng tôi có hai thứ lớp là: chỉnh hợp chính trị ở cấp quốc gia, tầm vĩ mô và chỉnh hợp xã hội ở địa phương nhỏ hẹp và từng mặt ở tầm vĩ mô. Nhật Bản, Trung Quốc và nhiều nước khác đều như vậy.

¹. Quan điểm *chỉnh hợp*, chúng tôi đã phát biểu trong sách *Kinh nghiệm tổ chức và quản lý nông thôn trong lịch sử Việt Nam*, Phan Đại Doãn và Nguyễn Quang Ngọc chủ biên, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 1994.

Trong xã hội Việt Nam truyền thống vào trước năm 1945 thì cơ chế chính hợp thường có sự kết hợp chính trị và xã hội, nhưng thiên về xã hội nhiều hơn. Tín ngưỡng, tôn giáo: dòng họ, đạo đức, luân lý là những cơ chế chính hợp, mà tổ chức chính hợp là các *quan viên làng xã, các sắc mục, lý dịch* với các phương thức hành chính kết hợp với *huong ước* tục lệ. Cơ chế này đã tồn tại hàng nghìn năm và đã tạo ra sự ổn định ở làng bản. Tuy nhiên trong thời kỳ hiện đại, cơ chế chính hợp này có mặt còn có thể kế thừa nhưng có mặt đã lỗi thời, phải thay đổi. Tổ chức quan viên kỳ mục, lý dịch cũ phải hủy bỏ. Mặt khác chính hợp làng xã tiêu nông cũng không phải là chính hợp mạnh mẽ, không có tầm vĩ mô toàn quốc không đủ sức chống lại xâm lược của Pháp và Mỹ.

Trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, mô thức chính hợp hoàn toàn mới, là chính hợp chính trị trên phạm vi toàn quốc thực sự đã tạo nên sức mạnh to lớn, thay thế chính hợp xã hội. Trên thực tế là chính hợp xã hội *hòa nhập* vào chính hợp chính trị. Sự lựa chọn hình thức chính hợp trên là đúng đắn. Thiết chế của chính hợp này là:

- Hệ thống Đảng các cấp ở nông thôn.
- Hệ thống chính quyền các cấp ở nông thôn
- Hệ thống Mặt trận Tổ quốc (bao gồm các đoàn thể) là cầu nối chính trị và xã hội, Nhà nước và dân sự.

Ưu việt của kiểu chính hợp này là kết hợp được chính trị và xã hội, Mặt trận Tổ quốc đã đóng vai trò động viên quần chúng theo Đảng, thực hiện các chính sách của chính quyền. Loại bỏ những "trạng thái kém hài hòa". Nhưng khi chính hợp xã hội bị hòa nhập trong chính hợp chính trị, bị "chính trị hóa" thì lại có nhược điểm là cấp dưới bị cấp trên chi phối, quần chúng bị chính quyền chi phối. Sự chi phối này càng nặng nề hơn trong tổ chức hợp tác xã Ngày nay, các tổ chức xã hội và kinh tế dân gian xuất hiện các làng bản đang phục hồi, chính hợp kiểu cũ đang dần dần bị khô cứng, không còn là một động lực năng động thúc đẩy xã hội.

Đôi mới kinh tế xã hội mấy năm qua đã dần dần xung phá cơ chế bao cấp cũ. Biểu hiện trong thiết kế kinh tế - chính trị xã hội nông thôn ở hai điểm sau:

- Hợp tác xã kiểu cũ không ngừng suy giảm ở đồng bằng sông Cửu Long đã bị giả: thể hệ thống tổ chức Mặt trận vận động theo chiều dọc đứng, từng cấp không có tác dụng tích cực như trước đây. Sự chi phối toàn bộ tài nguyên (nhất là con người) của chính quyền bị thu hẹp. Ở nông thôn các hoạt động của Chi đoàn, Thanh niên, Chi hội phụ nữ... bị yếu kém. "Tính tổng thể" của Nhà nước bị giảm sút.

Các tổ chức nguyên thể sẽ không thực hiện quá trình chính hợp xã hội.

- Những phân hóa mới đa dạng, phức tạp luôn luôn có yêu cầu mới. Do đó phải có chính hợp mới.

Trong tiến trình lịch sử phát triển kinh tế - xã hội. Thế giới và trong nước cho biết rằng chính hợp trong cơ chế thị trường chủ yếu là chính hợp *hợp đồng* (contracts). Chính hợp truyền thống của ta trước kia là theo họ tộc, theo xóm làng, và theo phường hợp. Chính hợp này tồn tại tự nhiên, sẵn có được kế thừa. Trong thời kỳ hợp tác xã thì chủ yếu là chính hợp hành chính. Ngày nay, trong kinh tế hàng hóa phát triển thì chính hợp hợp đồng, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc (cùng dạng văn hóa Á Đông giống như ta) đã phát triển theo khuynh hướng này.

Vì sự phát triển của kinh tế thị trường cần có cấu tạo động lực. Muốn dắt dẫn người nông dân vào kinh tế thị trường, theo kinh nghiệm của một số nước châu Á Trung Quốc, Đài Loan) cho biết cần phải có *tổ chức trung gian* của công nghiệp và dịch vụ. Hiện nay vai

trò của thôn bản và sau đó là các hội, các câu lạc bộ,... có ý nghĩa như một tổ chức trung gian, góp phần quan trọng không chỉ ổn định xã hội mà còn tăng trưởng kinh tế. Chính hợp theo hợp đồng cũng phải có vai trò của các trung gian trên. Tuy nhiên chính hợp theo hợp đồng (dựa trên pháp luật - chính sách) không hề loại bỏ những hình thức chính hợp tự nhiên của gia đình, họ tộc, xóm làng. Nói cách khác hợp đồng là chủ yếu, nhưng phải kết hợp với các hình thức truyền thống và hành chính. Ba hình thức này cùng bổ sung nhau sẽ tạo ra "sức mạnh tổng hợp" cần có.

Theo sự chuyển đổi kinh tế - xã hội hiện nay, đối với những tổ chức đoàn thể, hội trong Mặt trận Tổ quốc có tính quan phương cũng đang dần đi vào "chức năng hóa". Tư cách "đại diện chính trị" cho một giới, một lớp tuổi,... đang cần phải thay đổi cho phù hợp với yêu cầu khách quan. Các đoàn, hội này cũng có *vai trò trung gian* - vừa là bộ phận trong Nhà nước đồng thời cũng là bộ phận của xã hội, đưa xã hội vào kinh tế thị trường theo đường lối của Đảng và Nhà nước. Các đoàn thể trong mặt trận Tổ quốc vẫn là tổ chức quần chúng thực hiện yêu cầu chính trị của Đảng trong thời kỳ chiến tranh, bởi vậy không có chức năng xây dựng hoặc tổ chức kinh tế. Ngày nay, trước yêu cầu đổi mới nếu cứ giữ nguyên chức năng "động viên chính trị" cũ sẽ bị hạn chế thậm chí sẽ bất lực, do đó phải chuyển đổi chức năng sang phục vụ kinh tế xã hội.

IV. Tái lập Thôn - Bản và phát triển xã hội.

Không phải không có người còn nghi ngại cho rằng việc tái lập cấp thôn bản là bước thụt lùi; chúng tôi cho rằng đây là bước tiến trong công cuộc đổi mới hiện nay. Trở lại với thôn bản là trở lại với sự phát triển tự nhiên, bởi lẽ thôn bản là địa bàn dân sự của các hộ gia đình đã ổn định, hoàn chỉnh, là một trong những địa bàn quan trọng để tiến hành công cuộc đổi mới kinh tế xã hội.

Phía trước, theo chúng tôi, vừa xúc tiến nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và vừa nâng cao đời sống nông dân là hai vấn đề quan trọng, bức xúc cần được giải quyết trên địa bàn thôn bản. Tại đây, Nhà nước và xã hội cùng làm.

Thời kỳ trước đổi mới, do kết cấu chính trị - kinh tế nông thôn bị "đơn nhất hóa". Đảng, chính quyền, Mặt trận và hợp tác xã nông nghiệp kết hợp cùng điều hành theo kiểu "hành chính hóa". Sau khoán X(1988), hộ gia đình được khẳng định. Trách nhiệm, quyền hạn, và lợi ích cả 3 mặt đó được thống nhất trong hộ gia đình. Người nông dân đã ý thức đến địa bàn hoạt động - thôn bản quê hương. Trước đây, thôn bản bị lẫn vào trong "đội sản xuất" của hợp tác xã cao cấp, hoặc chỉ là hợp tác xã nhỏ. Ý nghĩa của nó trong đời sống hàng ngày thật sự bị mờ nhạt. Ngày nay, thôn bản tái xuất hiện như một chủ thể xã hội do yêu cầu của kinh tế hộ gia đình.

Thôn bản Việt Nam vốn có truyền thống tự trị cao, vừa là địa bàn tụ cư, vừa là tổ chức cư dân chặt chẽ, ổn định. Việc thực thi các hoạt động kinh tế - xã hội, đều đã có thể chế cụ thể. Con người lớn lên đến khi tạ thế đều gắn kết với thôn - bản¹. Trước năm 1945 như trên đã trình bày thôn làng ở đồng bằng lấy bộ phận "quan viên chức sắc" làm thành tổ trung tâm tập hợp từ những người "bạch đình" nghèo khổ đến bộ phận quan lại về hưu và địa chủ. Ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số (Tây Bắc, Tây Nguyên) lấy "già làng", "trưởng bản", "trưởng tộc" làm trụ cột. Ngày nay, ở làng người Kinh, loại hình nhân vật "quan viên chức sắc" đã bị loại bỏ hẳn, nhưng ở vùng các dân tộc thiểu số thì vị trí "già làng", "trưởng

¹. *Kinh nghiệm tổ chức quản lý nông thôn Việt Nam trong lịch sử*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 1994, phần "Làng bản, địa bàn định cư ổn định", trang 46-65.

bản", "trường tộc" vẫn còn ý nghĩa quan trọng. Có sự khác biệt đôi điểm như trên là do tình hình lịch sử và truyền thống xã hội khác nhau, song tính tự trị tự quản vẫn đang tồn tại và cần được duy trì ở cấp thôn - bản

Từ sau khoán X, hộ gia đình là chủ thể xã hội, "Luật đất đai" được công bố (1992) đã tạo nên nền dân chủ kinh tế làm khởi điểm rồi mở rộng ra dân chủ Chính trị, xã hội. Từ kinh nghiệm lịch sử quản lý nông thôn Việt Nam và thực tế nông thôn hiện nay, chúng tôi cho rằng đặc điểm (có tính chức năng) của quản lý cấp thôn - bản như sau:

1. Tự trị - tự quản của thôn bản là sự kết hợp giữa Nhà nước và xã hội dân sự. Quyền tự chủ của thôn bản về kinh tế, Chính trị, xã hội được phát huy nhưng cần phải bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa. Không có cái gọi là "tự trị, tự quản thuần túy", mà còn hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, pháp quy của Nhà nước, là sự kết hợp tất yếu. Đây không phải là điểm mới. Trước Cách mạng tháng 8-1945, hoạt động tự trị của làng xã cũng không được vượt khỏi pháp luật của chính quyền phong kiến thực dân. Tuyệt đại các hương ước thời Cải lương hương chính từ thập kỷ 20 đến đầu thập kỷ 40 (khoảng 5000 bản) đều có dấu và chữ ký của tri huyện (tức là Nhà nước địa phương). Điều đó chứng tỏ tính tự trị của làng xã cũng không thể vượt quá khuôn khổ phép nước. Cho nên có thể cho rằng "tự trị làng xã" trong lịch sử nước ta không bao giờ có ý nghĩa "thuần túy". Ở các nước khác như Nhật Bản, Đài Loan ... cũng vậy, tự trị ở nông thôn bao giờ cũng có giới hạn.

2. Tự trị, tự quản là để phát huy vai trò "làm chủ" của dân thôn - bản. Nhân dân các thôn bản tham gia các hoạt động chính trị, tham gia quyết định những quyết sách kinh tế xã hội trên địa bàn, giám sát các hoạt động của ban lãnh đạo thôn, tiến hành tự quản lý.

- *Quan hệ thôn và xã.*

Cho đến hiện nay tuy chưa có quy định bằng văn bản của Nhà nước Trung ương về vấn đề quản lý cấp thôn bản, nhưng các địa phương tỉnh huyện đều cho tái lập thôn bản theo tinh thần Nghị quyết Trung ương V khóa 7. Vị trí các già làng, trưởng bản ở Tây Bắc và Tây Nguyên đều được khẳng định; hầu hết các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh miền Trung đều cho bầu cử thôn trưởng (có nơi gọi là xóm trưởng). Đây là bước tiến trong quá trình đổi mới nông thôn. "Trở lại" làng bản hoàn toàn không phải là trở lại nguyên bản vốn - có của nó thời trước 1945, mà là đi tới một "hậu làng bản" mới.

Vậy quan hệ giữa thôn và xã như thế nào? Xã bao gồm một số thôn bản (khoảng 5,6 thôn hay 7,8 bản là phổ biến). Điểm khác nhau về phương thức hoạt động giữa xã và thôn là ở chỗ: Xã là cấp chính quyền cơ sở có tính chất Nhà nước, còn thôn là tổ chức tự trị - tự quản nặng tính chất dân sự. Xã là đơn vị quản lý hành chính về kinh tế, văn hóa, xã hội còn thôn chủ yếu là hoạt động tự nguyện (qua thuyết phục, giáo dục v.v...). Tuy có khác nhau, nhưng không mâu thuẫn với nhau, mà lại bổ sung cho nhau.

Như đã trình bày, hiện nay ở nông thôn có độ "vênh" giữa cấu trúc quyền lực hành chính đến cấp xã, nhưng thiết chế vận hành là hộ gia đình, các tổ chức hợp tác lại nằm ở địa bàn thôn - bản. Chính do độ "vênh" này mà nhiều chính sách và pháp luật, pháp quy của Nhà nước không thực hiện được triệt để, thông suốt. Khắc phục hạn chế này chính là tái lập sự quản lý cấp thôn bản.

Hiện nay nhiều tỉnh đã cho bầu cử "ban quản lý thôn" (với nhiều tên gọi khác nhau như "ban nhân dân thôn", "ban quản lý ấp", "hội đồng tự quản ấp", "hội đồng già làng", v.v... Sở dĩ như thế là vì chưa có luật thống nhất). Đây là tổ chức trung tâm quản lý thôn bản. Tổ chức này nằm dưới sự chỉ đạo của chi bộ Đảng nhưng bao giờ cũng phải phối, kết hợp

với các tổ chức hợp tác sản xuất, kinh doanh, các tổ chức văn hóa - tín ngưỡng, kế hoạch hóa gia đình, giáo dục, y tế, pháp luật, môi trường.

Do đó trong quản lý thôn bản hiện nay cần làm sáng rõ mấy vấn đề sau:

- Xác lập vị trí - vai trò của các tổ chức trong thôn bản: chi bộ, ban quản lý thôn, tổ mặt trận, chi đoàn thanh niên, chi hội phụ nữ, hội nông dân, hội cựu chiến binh và các hội dân gian (khuyến nông, khuyến công, khuyến lâm, khuyến học, khuyến tài, quỹ vốn hưu v v...). Cần tăng cường tính tự quản trong phạm vi pháp quy, pháp luật.

- Tăng cường chất lượng cán bộ thôn. Đây là những người góp phần quan trọng hình thành khối đoàn kết giữa người và người.

- Tổ chức thực hiện "qui ước nếp sống" hay "hương ước" theo chủ trương Nghị quyết Trung ương V.

Nét cuối cùng vẫn là tổ chức lại thôn bản theo đúng yêu cầu đổi mới. Trong thời kỳ hợp tác xã nông nghiệp, tổ chức nông thôn khá chặt chẽ, các đội sản xuất cứ theo kế hoạch tiến hành, các đoàn thể hoạt động mạnh, nhưng ngày nay không thể lặp lại như cũ, dắt dẫn nông dân vào kinh tế thị trường có tổ chức, có điều khiển của Nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng phải "tổ chức hóa". Trên đại thể, chúng tôi cho rằng có 3 thứ lớp sau:

- Tổ chức các hợp tác xã tự nguyện, đích thực như là một *dạng thái trung gian* về sản xuất, kinh doanh, tín dụng, chuyển giao công nghệ giúp cho hộ gia đình tiếp xúc kinh tế thị trường. Hợp tác xã này có thể chuyên về thủy hải sản, lâm thổ sản, chăn nuôi, thủ công nghiệp, hợp tác xã theo từng khâu (cung cấp, tiêu thụ, vốn) hay hợp tác xã tổng hợp.

- *Tổ chức tự trị tự quản*: Tổ hòa giải, bộ phận xóm ngõ, Ban nhân dân thôn..., nhằm bảo vệ an toàn thôn xóm, bảo vệ môi trường, chống rủi ro, chống tệ nạn xã hội. Tổ chức hóa kiểu này cần có "hương ước". Cho đến hiện nay tính tự trị tự quản của nông thôn ta còn non yếu, chưa phát huy được dân chủ tự nguyện.

- Những hội, đoàn có tính xã hội: hội bảo thọ, câu lạc bộ gia đình hai con, hội chống cờ bạc... Bộ phận này nên dựa vào uy tín cá nhân như các cán bộ về hưu, đảng viên già gương mẫu... các loại tổ chức dân gian này thực sự có vai trò trong an toàn và an ninh xã hội nông thôn.

*

* *

Theo tôi, trong xã hội học và chính trị học ở nước ta chưa đề cập nhiều đến hai khái niệm, hai phạm trù Nhà nước và xã hội. Nhưng thực tế đất nước đang diễn ra hiện nay và sau này thì Nhà nước và xã hội đã thành hai thực thể, hai lực lượng. Xử lý như thế nào để cả hai đều là động lực của phát triển xã hội. Xã hội đã sinh ra Nhà nước nhưng Nhà nước lại điều khiển xã hội. Vấn đề là làm thế nào để cả hai lực lượng bổ sung cho nhau; đồng hướng, đồng chiều. Chúng tôi gọi đó là phương thức *chính hợp*. Một số nhà xã hội học của Liên Xô (cũ), Trung Quốc (cũ) theo phương pháp phân tích mâu thuẫn, chỉ có "đấu tranh giai cấp". Khi tìm hiểu xã hội họ chỉ thấy: tích cực và tiêu cực, tiên bộ và lạc hậu, phát triển và phản động, tập thể và cá nhân... Rồi từ đó họ dùng phương pháp loại trừ cái tiêu cực, cái lạc hậu, cái phản động, cái cá nhân (rất chủ quan, duy ý chí). Phương pháp và quan điểm trên đã để lại nhiều sai lầm trong nhận thức khoa học và quản lý xã hội, là không chính xác. Theo tôi, phương pháp khoa học và thực tế nhất không phải chỉ có loại trừ mà phần lớn là *chính hợp*, chính hợp truyền thống với hiện đại, dân tộc với quốc tế, Nhà nước với xã hội... Chính hợp sẽ làm cho các lực lượng trên đồng chiều, là động lực của phát triển bền vững.